

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gỗ Đàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Hoàng Long	Thành viên
Ông David Martin Ireland	Thành viên
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Sumel Ong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Michael John Octoman	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Đỗ Thiệu Quân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Trần Xuyên Giao	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Vithit Valtanamara	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Đạo

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 544 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Gò Đăng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Gò Đăng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi cũng đã kiểm toán các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là hợp lý và được áp dụng phù hợp.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-01



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.267.724.167.565	888.370.244.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	154.838.581.376	133.462.806.360
1. Tiền	111		18.938.580.376	6.462.806.360
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.900.001.000	127.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		326.221.089.000	189.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	326.221.089.000	189.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.201.033.222	153.604.269.709
1. Phải thu khách hàng	131		91.319.509.058	99.168.433.536
2. Trả trước cho người bán	132		16.551.135.536	30.640.947.251
3. Các khoản phải thu khác	138	8	180.330.388.628	23.794.888.922
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		475.862.117.552	396.553.254.768
1. Hàng tồn kho	141	9	475.862.117.552	396.553.254.768
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.601.346.415	15.749.913.791
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	4.693.799.572	1.707.736.547
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.112.935.851	11.984.749.974
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.164.976.046	940.490.863
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.629.634.946	1.116.936.407
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		568.744.250.737	362.768.246.472
I. Tài sản cố định	220		209.185.798.990	136.694.259.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.551.128.838	22.118.990.390
- Nguyên giá	222		61.621.198.797	54.204.655.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.070.069.959)	(32.085.664.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	105.779.264.426	69.690.675.751
- Nguyên giá	228		115.193.859.180	73.644.528.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.414.594.754)	(3.953.852.429)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	73.855.405.726	44.884.593.600
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		346.740.010.569	214.623.215.465
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	283.627.621.159	144.623.215.465
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	70.000.000.000	70.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(6.887.610.590)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.818.441.178	11.450.771.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	12.818.441.178	11.450.771.266
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.836.468.418.302	1.251.138.491.100

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.145.709.826.844	561.734.634.411
I. Nợ ngắn hạn	310		1.014.880.834.653	561.734.634.411
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	922.386.835.530	448.253.973.277
2. Phải trả người bán	312		72.788.647.221	83.331.937.573
3. Người mua trả tiền trước	313		1.994.975.207	553.261.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	107.361.467	105.129.881
5. Phải trả người lao động	315		4.052.877.866	3.457.470.180
6. Chi phí phải trả	316		3.830.249.222	1.492.383.657
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	9.673.243.915	23.461.697.418
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.644.225	1.078.781.425
II. Nợ dài hạn	330		130.828.992.191	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	130.828.992.191	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		690.758.591.458	689.403.856.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	690.758.591.458	689.403.856.689
1. Vốn điều lệ	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		316.948.175.111	316.443.165.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.395.418.625	13.395.418.625
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		180.414.997.722	179.565.272.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.836.468.418.302	1.251.138.491.100

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**I. Ngoại tệ các loại**

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

38.240

187.557

574

2.175



Nguyễn Thị Ngọc Hà
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng	01	22	943.606.611.504	846.939.633.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.736.897.170	19.822.763.864
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		932.869.714.334	827.116.869.994
4. Giá vốn hàng bán	11		881.188.292.472	670.094.730.873
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		51.681.421.862	157.022.139.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	116.579.089.236	51.406.547.652
7. Chi phí tài chính	22	25	44.210.135.477	20.368.569.010
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.355.397.311	20.269.837.462
8. Chi phí bán hàng	24		81.768.908.868	71.517.510.853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.673.033.765	25.553.932.130
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.608.432.988	90.988.674.780
11. Thu nhập khác	31		2.539.933.517	5.274.544.984
12. Chi phí khác	32		3.298.640.991	3.206.872.356
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	(758.707.474)	2.067.672.628
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		849.725.514	93.056.347.408
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	2.822.680.790
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		849.725.514	90.233.666.618



Nguyễn Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạo

Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

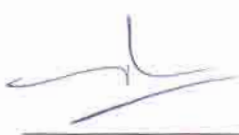
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	849.725.514	93.056.347.408
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.967.896.236	7.502.242.381
Các khoản dự phòng	03	6.887.610.590	(1.675.992.469)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(533.032.046)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(111.349.659.037)	(48.102.469.295)
Chi phí lãi vay	06	29.355.397.311	20.269.837.462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(62.822.061.432)	71.049.965.487
Thay đổi các khoản phải thu	09	(133.870.931.329)	44.219.482.840
Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.308.862.784)	(137.205.903.848)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(35.963.246.041)	2.896.064.984
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.128.027.895)	(7.621.175.469)
Tiền lãi vay đã trả	13	(28.022.118.037)	(20.269.837.462)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.462.675.868)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.032.137.200)	(9.094.899.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(343.147.384.718)	(57.488.978.441)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.474.324.160)	(87.642.641.847)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.500.000.000	621.287.168
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(276.225.494.694)	(285.082.533.909)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.228.092.098	47.979.053.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(240.971.726.756)	(324.124.835.070)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay nhận được	33	2.352.941.477.297	1.745.862.330.691
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.747.446.590.807)	(1.248.538.877.167)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.999.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	605.494.886.490	485.323.523.524
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	21.375.775.016	103.709.710.013
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	133.462.806.360	29.753.096.347
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60)	70	154.838.581.376	133.462.806.360

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 1.560.052.733 đồng là giá trị phần ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.752.374.674 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh lần lượt trên phần thay đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả.


Nguyễn Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Tông Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gỗ Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy Sản Gỗ Đàng - Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200575021 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 3 vào ngày 23 tháng 11 năm 2012. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 177/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2008 với mã chứng khoán là AGD.

Công ty đã tiến hành thủ tục pháp lý để hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 114/2012/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty vào ngày 05 tháng 10 năm 2012. Theo đó, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 262/2013/QĐ-SGDHCM vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 chấp thuận cho việc hủy niêm yết 11.999.930 cổ phiếu đang lưu hành có tổng giá trị là 119.999.300.000 đồng với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần của Công ty. Ngày giao dịch cuối của cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Quyết định hủy niêm yết nêu trên có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2013. Do đó, Công ty không còn nằm trong danh sách Công ty niêm yết kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 955 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 866 người).

Hoạt động chính

- Chế biến thủy sản
- Thu mua thủy sản
- Nuôi trồng thủy sản
- Sản xuất thức ăn thủy sản
- Mua bán thức ăn thủy sản
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi
- Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản
- Đầu tư tài chính

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của riêng Công ty. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để chỉnh sửa lại các sai sót trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm trước. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

	Mã số	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán				
1. Các khoản tương đương tiền	112	156.000.000.000	127.000.000.000	(29.000.000.000)
2. Đầu tư ngắn hạn	121	160.000.000.000	189.000.000.000	29.000.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138	29.795.657.161	23.794.888.922	(6.000.768.239)
4. Hàng tồn kho	141	391.665.953.596	396.553.254.768	4.887.301.172
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.667.609.699	1.707.736.547	40.126.848
6. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.983.981.735	11.984.749.974	6.000.768.239
7. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.490.898.114	11.450.771.266	(40.126.848)
8. Phải trả người bán	312	69.888.893.618	83.331.937.573	13.443.043.955
9. Thặng dư vốn cổ phần	412	324.998.175.111	316.443.165.856	(8.555.009.255)
Chỉ tiêu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1. Thay đổi hàng tồn kho	10	(132.318.602.676)	(137.205.903.848)	(4.887.301.172)
2. Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.991.236.188)	2.896.064.984	4.887.301.172

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam Cho năm

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị quản lý	2 - 7
Tài sản khác	4 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và phần mềm vi tính được phân bổ trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá mua bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các công ty con mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư dài hạn này có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa ao nuôi cá và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo

Báo cáo tài chính riêng

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	955.347.014	1.525.031.752
Tiền gửi ngân hàng	17.983.233.362	4.937.774.608
Các khoản tương đương tiền	135.900.001.000	127.000.000.000
	<u>154.838.581.376</u>	<u>133.462.806.360</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn dưới 03 tháng và hưởng lãi suất từ 6% - 7,5%/năm.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân từ 7,5% - 13,2%/năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Phải thu cho vay cá nhân (*)	89.110.791.000	-
Cho các công ty con vay	84.394.495.826	21.321.729.823
Lãi dự thu từ các ngân hàng	6.533.533.552	1.942.331.769
Các khoản phải thu khác	291.568.250	530.827.330
	<u>180.330.388.628</u>	<u>23.794.888.922</u>

(*) Phải thu cho vay cá nhân thể hiện khoản tiền Công ty cho các cá nhân là nhân viên của Công ty vay, theo hợp đồng cho vay ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 89.110.791.000 đồng với thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và đã được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua bằng Biên họp của Hội đồng Quản trị Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2013. Khoản cho vay này không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho Tiếp theo
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MAU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	82.189.070.577	41.888.800.947
Công cụ, dụng cụ	13.593.691.842	9.520.594.434
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	246.758.260.382	245.366.501.375
Thành phẩm	127.574.976.232	99.362.520.930
Hàng hoá	-	26.001
Hàng gửi đi bán	5.746.118.519	414.811.081
	<u>475.862.117.552</u>	<u>396.553.254.768</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thể chấp một phần hàng tồn kho với tổng giá trị thể chấp được định giá bởi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 32 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2013	2012
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01	1.707.736.547	2.438.153.270
Tăng trong năm	11.208.524.613	4.645.365.863
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.222.461.588)	(5.375.782.586)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>4.693.799.572</u>	<u>1.707.736.547</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MAU SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	13.132.843.140	32.175.495.715	5.066.104.571	402.237.102	3.427.974.623	54.204.655.151
Mua trong năm	136.100.500	952.735.845	446.274.728	-	-	1.535.111.073
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	2.657.127.539	9.737.508.595	1.629.509.824	-	-	14.024.145.958
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.151.288.500)	-	-	-	(6.151.288.500)
Kết chuyển theo Thông tư 45 (*)	(242.823.030)	(668.557.540)	(339.778.645)	(219.044.262)	(491.415.954)	(1.961.619.431)
Giảm khác	-	(29.805.454)	-	-	-	(29.805.454)
Tại ngày 31/12/2013	15.683.248.149	36.016.088.661	6.802.110.478	183.192.840	2.936.558.669	61.621.198.797

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	8.461.556.907	20.116.680.673	1.757.312.845	169.046.291	1.581.068.045	32.085.664.761
Khấu hao trong năm	1.389.432.527	3.757.170.966	710.294.740	90.460.858	559.794.820	6.507.153.911
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.181.653.656)	-	-	-	(5.181.653.656)
Kết chuyển theo Thông tư 45 (*)	(141.397.653)	(502.978.188)	(200.067.809)	(117.019.383)	(379.632.024)	(1.341.095.057)
Tại ngày 31/12/2013	9.709.591.781	18.189.219.795	2.267.539.776	142.487.766	1.761.230.841	32.070.069.959

GIA TRỊ CON LẠI

Tại ngày 31/12/2013	5.973.656.368	17.826.868.866	4.534.570.702	40.705.074	1.175.327.828	29.551.128.838
Tại ngày 31/12/2012	4.671.286.233	12.058.815.042	3.308.791.726	233.190.811	1.846.906.578	22.118.990.390

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 7.812.791.034 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.939.963.002 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn từ ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 13.600.524.199 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.161.819.765 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	73.011.441.870	633.086.310	73.644.528.180
Mua trong năm	8.950.000.000	-	8.950.000.000
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	32.599.331.000	-	32.599.331.000
Tại ngày 31/12/2013	114.560.772.870	633.086.310	115.193.859.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.732.742.188	221.110.241	3.953.852.429
Khấu hao trong năm	5.338.010.075	122.732.250	5.460.742.325
Tại ngày 31/12/2013	9.070.752.263	343.842.491	9.414.594.754
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	105.490.020.607	289.243.819	105.779.264.426
Tại ngày 31/12/2012	69.278.699.682	411.976.069	69.690.675.751

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 68.818.969.889 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 69.278.699.682 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn từ ngân hàng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.311.058.452	10.165.270.683
Công trình xây dựng tại Cồn Nhỏ	335.592.580	994.953.648
Công trình xây dựng nhà tập thể	7.348.148.055	1.898.227.621
Công trình xây dựng vùng nuôi Tân Phú	1.798.078.960	1.817.313.908
Công trình xây dựng vùng nuôi Lộc Thuận	11.518.826	1.284.080.720
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Minh	5.532.684.991	1.214.988.899
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Thắng	-	2.650.000.000
Công trình xây dựng vùng nuôi Sơn Phú	193.716.340	12.000.000.000
Công trình xây dựng vùng nuôi Cồn Dung	20.042.646.800	11.236.145.000
Công trình xây dựng vùng nuôi Thanh Bình	16.953.200.000	-
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Đại	13.517.827.273	-
Các công trình khác	1.810.933.449	1.623.613.121
	73.855.405.726	44.884.593.600

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng	Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	100	100	Thương mại và dịch vụ
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Khu Công nghiệp Mỹ Tho-Tiền Giang	100	100	Sản xuất thủy sản
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	Khu Công nghiệp Mỹ Tho-Tiền Giang	100	100	Sản xuất thủy sản
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	Mỹ Thanh- Mỹ Phước Mang Thít – Vĩnh Long	100	100	Sản xuất thức ăn thủy sản
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre	Khu Công nghiệp An Hiệp Châu Thành - Bến Tre	100	100	Sản xuất thủy sản

Chi tiết các khoản đầu vào công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre	49.900.000.000	60.995.594.306
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	3.059.324.057	49.900.000.000
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	599.000.000	30.069.297.102
Công ty TNHH Thương Mại Gò Đăng	30.069.297.102	3.059.324.057
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	200.000.000.000	599.000.000
	283.627.621.159	144.623.215.465
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.887.610.590)	-
Trong đó :		
+ Công ty TNHH Thương Mại Gò Đăng	(1.013.711.989)	-
+ Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	(593.010.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre	(5.280.888.601)	-

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và có kỳ hạn trên 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn này được hưởng lãi suất bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 12,22%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01	11.450.771.266	3.099.179.074
Tăng trong năm	9.537.106.268	9.401.373.740
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.169.436.356)	(1.049.781.548)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	12.818.441.178	11.450.771.266

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư tiền vay theo đồng tiền		
- Vay ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam	-	1.101.000.000
- Vay ngắn hạn bằng Đô La Mỹ	831.826.122.165	447.152.973.277
- Nợ trung hạn đến hạn trả bằng Đô La Mỹ (*)	90.560.713.365	-
	922.386.835.530	448.253.973.277
Hoặc số dư tiền vay theo mục đích		
- Vay chiết khấu bộ chứng từ	44.815.156.211	36.341.501.277
- Vay Bổ sung vốn lưu động	877.571.679.319	411.912.472.000
	922.386.835.530	448.253.973.277

Chi tiết vay theo đối tượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tiền Giang	53.132.235.000	42.322.496.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Long An	45.063.382.500	30.325.568.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Tân Bình	32.317.545.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-CN Tiền Giang	69.122.467.500	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21.383.512.500	-
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	-	1.243.587.810
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	138.961.230.000	101.114.149.816
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tiền Giang	99.873.096.120	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu - CN Hòa Bình	77.764.356.000	72.148.546.076
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Tiền Giang	52.331.670.000	44.152.476.000
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Tiền Giang	-	28.032.405.200
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	204.924.232.545	128.914.744.375
Ngân hàng TMCP Phương Tây - CN Tiền Giang	36.952.395.000	-
Công ty Panga Holdco Private Limited (*)	90.560.713.365	-
	922.386.835.530	448.253.973.277

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam, Đô la Mỹ và Đô la Hồng Kông từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, số 11 và số 12.

Trong năm, Công ty đã ký một số hợp đồng vay chiết khấu với các ngân hàng thương mại trong nước bằng việc chiết khấu các bộ chứng từ xuất khẩu của các khách hàng nước ngoài. Các khoản vay này không có thể chấp và lãi suất được ngân hàng thông báo cho từng bộ chứng từ chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

(*) Thể hiện khoản vay theo Hợp đồng vay ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 90.560.713.365 đồng (tương ứng với 4.298.598 Đô la Mỹ), thời hạn cho vay là 18 tháng kể từ ngày các khoản vay này được giải ngân tức ngày 31 tháng 5 năm 2013 và lãi suất áp dụng cho khoản vay này là 12%/năm. Khoản vay này và tiền lãi sẽ thanh toán một lần khi đến hạn. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phần của Panga Holdco Private Limited trong Công ty vượt quá 49% trước ngày đến hạn hợp đồng này thì lãi cộng dồn của khoản vay này sẽ được xóa bỏ. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không cần thiết trích lập lãi vay vì Công ty đã hoàn tất việc hủy niêm yết cổ phiếu như đã nêu ở Thuyết minh số 1 bên trên và Panga Holdco Private Limited sẽ mua đủ cổ phần để sở hữu trên 49% cổ phần của Công ty trước ngày đáo hạn của hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.902.480 cổ phần phổ thông của Ông Nguyễn Văn Đạo - Tổng Giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Cổ đông sáng lập.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế xuất nhập khẩu	107.361.467	51.859.464
Thuế thu nhập cá nhân	-	53.270.417
	107.361.467	105.129.881

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bảo hiểm xã hội, BHYT, Kinh Phí Công Đoàn	164.374.798	284.256.643
Tiền giữ hộ cho các công ty con (*)	8.342.714.354	22.249.820.675
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	8.342.714.354	22.053.820.675
Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Bến Tre	-	196.000.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	720.000.000	590.000.000
Các khoản phải trả khác	446.154.763	337.620.100
	9.673.243.915	23.461.697.418

(*) Tiền giữ hộ cho các Công ty con thể hiện số tiền nhận rồi tại các Công ty con được chuyển về Công ty mẹ cho mục đích quản lý theo yêu cầu của Công ty mẹ.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay dài hạn từ Panga Holdco Private Limited ("Bên Cho vay") theo Hợp đồng vay ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Bản sửa đổi số 1 ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 130.828.992.191 đồng (tương ứng với 6.330.829 Đô la Mỹ). Khoản vay này sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo yêu cầu của Bên Cho vay tại bất cứ thời điểm nào sau khi Công ty hoàn tất việc hủy niêm yết trên chứng khoán và xóa tên khỏi danh sách các công ty đại chúng. Lãi suất được áp dụng cho khoản vay này là 12%/năm trên số dư của khoản tiền vay tính từ ngày giải ngân đến ngày Bên Cho vay không còn là cổ đông của Công ty do việc chuyển đổi nêu trên không hoàn tất. Khoản tiền vay và tiền lãi sẽ thanh toán một lần theo như yêu cầu của Bên cho vay. Tuy nhiên, nếu Bên cho vay thực hiện thành công việc chuyển đổi số tiền vay nêu trên sang cổ phiếu phổ thông thì số tiền lãi tích lũy cho khoản vay này sẽ được xóa bỏ. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không cần thiết trích lập chi phí lãi vay vì Công ty đã hoàn tất việc hủy niêm yết cổ phiếu như đã nêu ở Thuyết minh số 1 bên trên và việc chuyển đổi khoản vay thành cổ phần sẽ chắc chắn được thực hiện.

Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.902.480 cổ phần phổ thông của Ông Nguyễn Văn Đạo - Tổng Giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Phó Tổng Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN ĐIỀU LỆ

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số lượng - cổ phần được phép phát hành	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Số lượng - cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Số lượng - cổ phần đang lưu hành	11.999.930	11.999.930
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>119.999.300.000</u>	<u>119.999.300.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
MÀU SÓ B 09-DN

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc niên độ như sau:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh				31/12/2013			Vốn đã góp			31/12/2012		
	Cổ phần	Giá trị VND	%				Cổ phần	Giá trị VND	%			
Cổ đông sáng lập												
Nguyễn Văn Đạo	2.601.240	26.012.400.000	14,45	4.023.887	40.238.870.000	22,35	2.601.240	26.012.400.000	14,45	2.601.240	26.012.400.000	
Nguyễn Thị Thanh Trúc	2.451.240	24.512.400.000	13,62	2.451.240	24.512.400.000	13,62	2.451.240	24.512.400.000	13,62	2.451.240	24.512.400.000	
Lê Sơn Tùng	1.512.151	15.121.510.000	8,40	1.512.151	15.121.510.000	8,40	1.512.151	15.121.510.000	8,40	1.512.151	15.121.510.000	
Cổ đông khác												
Panga Holdco Pte.Ltd	-	-	-	8.800.000	88.000.000.000	48,89	8.800.000	88.000.000.000	48,89	8.800.000	88.000.000.000	
Lê Thị Liêm	-	-	-	1.201.631	12.016.310.000	6,68	1.201.631	12.016.310.000	6,68	1.201.631	12.016.310.000	
Khác	11.435.369	114.353.690.000	63,53	11.091	110.910.000	0,06	1.433.738	14.337.380.000	7,97	1.433.738	14.337.380.000	
	18.000.000	180.000.000.000	100	18.000.000	180.000.000.000	100	18.000.000	180.000.000.000	100	18.000.000	180.000.000.000	
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:												
	Vốn điều lệ VND			Thặng dư vốn cổ phần VND			Quỹ đầu tư và phát triển VND			Lợi nhuận chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2012	119.999.300.000			7.306.910.000			6.855.356.319			117.871.597.896		
Góp vốn trong năm	60.000.700.000			318.003.710.000			-			-		
Lợi nhuận trong năm	-			-			-			90.233.666.618		
Trích lập quỹ	-			-			6.540.062.306			(16.540.062.306)		
Cổ tức được chia	-			-			-			(11.999.930.000)		
Giảm khác	-			(8.867.454.144)			-			-		
Tại ngày 31/12/2012	180.000.000.000			316.443.165.856			13.395.418.625			179.565.272.208		
Lợi nhuận trong năm	-			-			-			849.725.514		
Giảm khác	-			505.009.255			-			-		
Tại ngày 31/12/2013	180.000.000.000			316.948.175.111			13.395.418.625			180.414.997.722		
										849.725.514		
										505.009.255		
										690.758.591.458		

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	722.646.181.277	743.392.999.069
Doanh thu bán hàng nội địa	220.960.430.227	103.546.634.789
Tổng doanh thu	943.606.611.504	846.939.633.858
Trừ:		
Giảm giá hàng bán	(1.450.950.814)	(775.618.265)
Hàng bán trả lại	(9.285.946.356)	(19.047.145.599)
Doanh thu thuần	932.869.714.334	827.116.869.994

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.030.894.896.953	729.895.242.904
Chi phí nhân công	63.020.393.515	46.613.534.186
Chi phí khấu hao	11.967.896.236	7.502.242.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.259.427.907	122.224.632.869
Chi phí khác	55.005.313.000	37.807.935.236
	1.333.147.927.611	944.043.587.576

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.925.819.866	5.979.053.518
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.893.474.015	42.431.309.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.226.763.309	2.996.184.434
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	533.032.046	-
	116.579.089.236	51.406.547.652

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.355.397.311	20.269.837.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.967.127.576	98.731.548
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.887.610.590	-
	44.210.135.477	20.368.569.010

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.500.000.000	621.287.168
Thu nhập từ bán phế liệu	181.776.909	3.264.114.329
Các khoản thu khác	858.156.608	1.389.143.487
Thu nhập khác	2.539.933.517	5.274.544.984
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	969.634.844	497.871.391
Các khoản chi khác	2.329.006.147	2.709.000.965
Chi phí khác	3.298.640.991	3.206.872.356
(Lỗ)/ Lợi nhuận khác	(758.707.474)	2.067.672.628

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	849.725.514	93.056.347.408
Cộng:	2.329.006.147	2.709.000.965
Các khoản chi phí không được trừ	2.329.006.147	2.709.000.965
Trừ:	(65.500.000.000)	(42.000.000.000)
Lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư	(65.500.000.000)	(42.000.000.000)
(Lỗ tính thuế)/Thu nhập tính thuế	(62.321.268.339)	53.765.348.373
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	-	8.064.802.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-	(4.032.401.128)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	1.209.720.338
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.822.680.790

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008 và giảm 50% kể từ năm 2009 đến năm 2015.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 62.321.268.339 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.053.215.827.721	448.253.973.277
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	481.059.670.376	322.462.806.360
Nợ thuần	572.156.157.345	125.791.166.917
Vốn chủ sở hữu	690.758.591.458	689.403.856.689
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,83	0,18

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.838.581.376	133.462.806.360
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.649.897.686	122.963.322.458
Các khoản đầu tư tài chính	396.221.089.000	259.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	95.450.400
Tổng cộng	822.709.568.062	515.521.579.218
Nợ tài chính		
Các khoản vay	1.053.215.827.721	448.253.973.277
Phải trả người bán và phải trả khác	81.577.516.338	105.919.378.348
Chi phí phải trả	3.830.249.222	1.492.383.657
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	720.000.000	590.000.000
	1.139.343.593.281	556.255.735.282

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-ĐN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.055.743.834.974	485.358.145.625	80.283.879.270	102.872.338.043
Đồng Euro (EUR)	-	-	16.785.942	60.355.173

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Euro. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	29.263.798.671	11.474.574.227
Đồng Euro (EUR)	(503.578)	(1.810.655)
	29.263.295.093	11.472.763.572

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/giảm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản VND	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	18.447.736.711
VND	-200	(18.447.736.711)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	8.965.079.466
VND	-200	(8.965.079.466)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

202-C.T
NH
Y
UHAN
TE
M
CHỈ M

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.838.581.376	-	154.838.581.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.649.897.686	-	271.649.897.686
Các khoản đầu tư tài chính	326.221.089.000	70.000.000.000	396.221.089.000
	<u>752.709.568.062</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>822.709.568.062</u>

31/12/2013			
Các khoản vay	922.386.835.530	130.828.992.191	1.053.215.827.721
Phải trả người bán và phải trả khác	81.577.516.338	-	81.577.516.338
Chi phí phải trả	3.830.249.222	-	3.830.249.222
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	720.000.000	-	720.000.000
	<u>1.008.514.601.090</u>	<u>130.828.992.191</u>	<u>1.139.343.593.281</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(255.805.033.028)</u>	<u>(60.828.992.191)</u>	<u>(316.634.025.219)</u>

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.462.806.360	-	133.462.806.360
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.963.322.458	-	122.963.322.458
Các khoản đầu tư tài chính	189.000.000.000	70.000.000.000	259.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	95.450.400	-	95.450.400
	<u>445.521.579.218</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>515.521.579.218</u>

31/12/2012			
Các khoản vay	448.253.973.277	-	448.253.973.277
Phải trả người bán và phải trả khác	105.919.378.348	-	105.919.378.348
Chi phí phải trả	1.492.383.657	-	1.492.383.657
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	590.000.000	-	590.000.000
	<u>556.255.735.282</u>	<u>-</u>	<u>556.255.735.282</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(110.734.156.064)</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>(40.734.156.064)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH Thương Mại Gò Đăng		
Bán hàng	10.654.539.040	22.521.763.720
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Phát		
Bán hàng	31.562.500.000	-
Bán tài sản	-	462.196.259
Mua hàng, phí gia công, phí lưu kho	97.400.507.513	29.704.199.000
Cổ tức được chia	17.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long		
Lãi cho vay	-	936.968.022
Mua hàng, phí gia công, lưu kho	-	9.628.540.000
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre		
Góp vốn	110.100.010.977	5.711.469.211
Mua hàng	4.912.086.000	-
Công ty Panga Holdeo Private Limited		
Vay dài hạn	221.389.705.556	-
Ban Giám đốc		
Cho Ông Nguyễn Văn Đạo mượn tiền	89.582.791.000	-
Mua đất từ Ông Trần Xuyên Giáo	1.000.000.000	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương và các khoản phụ cấp	931.743.587	702.760.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Trả trước cho nhà cung cấpCác công ty con

Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	20.256.692.886	-
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre	1.704.770.360	1.117.760.660

Phải trả thương mạiCác công ty con

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Phát	2.789.635.937	-
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	-	1.603.690.600

Phải trả khácCác công ty con

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Phát	50.022.590.804	22.055.903.475
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long	5.201.257.500	-
Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre	-	196.000.000

Vay dài hạnCổ đông chiến lược

Panga Holdco Private Limited	221.389.705.556	-
------------------------------	-----------------	---



Nguyễn Thị Ngọc Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạo

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2014 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750